

Số: 146/2024/QĐST-HNGĐ

Đồng Hỷ, ngày 19 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 188/2024/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Á**, sinh năm 1990;

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Văn M**, sinh năm 1986;

Đều cư trú: **Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

- Căn cứ vào Điều 146, Điều 147, Điều 212, Điều 213, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Bùi Thị Á** và anh **Hoàng Văn M**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Á** và anh **Hoàng Văn M** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân

giữa chị **Bùi Thị Á** và anh **Hoàng Văn M** chấm dứt kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Chị **Bùi Thị Á** và anh **Hoàng Văn M** đều xác định vợ chồng có 02 con chung là **Hoàng Quốc V**, sinh ngày 04/10/2009 và cháu **Hoàng Văn H**, sinh ngày 30/3/2017. Khi ly hôn chị **Á** và anh **M** thỏa thuận: Anh **Hoàng Văn M** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là **Hoàng Quốc V**, sinh ngày 04/10/2009 và cháu **Hoàng Văn H**, sinh ngày 30/3/2017 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Tòa án không giải quyết do chị **Bùi Thị Á** và anh **Hoàng Văn M** không yêu cầu.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung*: Chị **Bùi Thị Á** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung;

- *Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay*: Tòa án không giải quyết do chị **Bùi Thị Á** và anh **Hoàng Văn M** không yêu cầu.

- *Về án phí*: Chị **Bùi Thị Á** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước (được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp), hoàn trả chị **Bùi Thị Á** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại, theo biên lai thu số **0007285 ngày 29/8/2024** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 2008 xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Hồng Thái

